

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Vũ Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 664/2024/HNGĐ-TLST ngày 06/12/2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2025; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2025/TB-TA ngày 02/4/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Người được anh B ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Anh Đặng Bá L, sinh 1985; địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn B1; địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Anh B, ông B1 đề nghị giải quyết vắng mặt, chị L1 được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/2/2010 tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, chị L1 và anh B cùng đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên mỗi người làm một công ty nên không chung

sống cùng nhau, đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay anh B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Len .

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là Phạm Phương A, sinh ngày 27/11/2011 và Phạm Thị Yến H, sinh ngày 19/7/2014; hiện hai cháu đang do ông nội là ông Phạm Văn B1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, anh tự nguyện không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con, trong thời gian không có mặt tại nhà anh ủy quyền cho ông Phạm Văn B1 thay anh chăm sóc và nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh B tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn anh B không cung cấp được địa chỉ của chị L1 tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị L1 bà Đồng Thị D, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Len . Bà D cho biết chị L1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L1 và anh B như anh B trình bày là đúng. Chị L1 và anh B tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 26/2/2010 tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn chị L1 về sinh sống cùng gia đình chồng, quá trình sinh sống vợ chồng có nhiều bất đồng; trước khi đi Đài Loan, chị L1, anh B đều muốn ly hôn nhưng chưa kịp làm thủ tục thì chị L1 đi Đài Loan; sau đó một thời gian, gia đình anh B liên lạc để chị L1 về nước nhưng về được thời gian ngắn, mâu thuẫn trầm trọng nên chị L1 về nhà đẻ sinh sống, đến năm 2018 chị L1 tiếp tục đi lao động tại Đài Loan. Nhiều lần chị L1 liên lạc về có trao đổi về việc vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh B có nguyện vọng xin ly hôn, chị L1 nhất trí, tuy nhiên do không về để làm thủ tục ly hôn được, chị L1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị L1 được biết. Bà D đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho chị L1 được biết, hiện chị L1 không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L1 và anh B có 02 con chung là cháu Phạm Phương A, sinh ngày 27/11/2011 và Phạm Thị Yến H, sinh ngày 19/7/2014; hiện hai cháu đang do ông nội là Phạm Văn B1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L1 nhất trí giao hai con cho anh B chăm sóc và nuôi dưỡng vì hiện chị L1 đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con, ông bà ngoại cũng không có điều kiện về sức khỏe để chăm con thay chị L1 được.

Về tài sản, công nợ chung: Anh B không yêu cầu giải quyết, chị L1 nhất

trí.

Cháu Phương A và cháu Yến H có nguyện vọng được ở cùng bố Phạm Văn B và ông Phạm Văn B1

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh B và chị L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Phạm Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Len . Về con chung, giao cháu Phạm Phương A và Phạm Thị Yến H cho anh Phạm Văn B chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị L1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tạm giao cháu Phạm Phương A và Phạm Thị Yến H cho ông Phạm Văn B1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh B không có mặt tại Việt Nam. Anh B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Phạm Văn B, bị đơn chị Nguyễn Thị L1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông B1 vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B và chị L1 tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 26/2/2010 tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Anh B xác định sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2016, chị L1 và anh B cùng đi lao động tại Đài Loan, tuy nhiên mỗi người làm một công ty nên không chung sống cùng nhau, đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Thông qua gia đình chị L1 cũng có quan điểm đồng ý ly hôn anh B.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh B được ly hôn chị L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Anh B và chị L1 có 02 con chung là cháu Phạm Phương A, sinh ngày 27/11/2011 và cháu Phạm Thị Yến H, sinh ngày 19/7/2014; hiện hai cháu đang do ông nội là Phạm Văn B1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh B có quan điểm được nhận nuôi 2 con và không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con. Chị L1 có quan điểm đồng ý giao hai con cho anh B chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét thấy, anh B, chị L1 đều đề nghị giao con cho anh B nuôi dưỡng, các con đều có nguyện vọng ở với bố, nên cần tiếp tục giao hai con cho anh B chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh B tự nguyện không yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc chị L1 phải cấp dưỡng.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228, 238, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Phạm Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Len .

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Phương A, sinh ngày 27/11/2011 và cháu Phạm Thị Yến H, sinh ngày 19/7/2014 cho anh Phạm Văn B chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tạm giao cháu Phạm Phương A, sinh ngày 27/11/2011 và Phạm Thị Yến H, sinh ngày 19/7/2014; cho ông Phạm Văn B1 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh B không có ở Việt Nam.

Chị Nguyễn Thị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Phạm Văn B.

Chị L1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005397 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn B, chị Nguyễn Thị L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Văn B1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, TP Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến